TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 12-8-2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và ông Nguyễn Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Hoàng Ninh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 7 và ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 04/7/2019; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 01/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019 và Thông báo mở lại phiên toà số 01/2019/TB-TA ngày 25/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt Ngân hàng V);

Địa chỉ trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Giám đốc Trung tâm XLN KHDN Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP V kiêm Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân: Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Phạm Tuấn A là Ông Lý Viết T và ông Nguyễn Minh C, Đào Duy Hoàng T, Nguyễn Ngọc L; ông L, ông T có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979;

ĐKHKTT: Thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

3. Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Trú tại: thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 18/8/2016, anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 trú tại: thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã ký giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử kiêm hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP V, chi nhánh Hải Dương phòng giao dịch Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương và Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân (gọi tắt là hợp đồng phát hành thẻ tín dụng kiêm vay vốn). Theo hợp đồng số MB01.QT.GDCN/06, Ngân hàng V cho anh Đ vay số tiền hạn mức 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức của hợp đồng được thể hiện qua giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử kiêm hợp đồng vay vốn, lãi suất vay là 30%/năm và được điều chỉnh theo thông báo của Tổng giám đốc, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng, tức hàng tháng anh Đ phải nộp tiền trả nợ gốc và lãi trên dư nợ theo thông báo của Ngân hàng V kể cả trong trường hợp anh Đ không rút tiền trong tài khoản.

Ngày 08/9/2016, Ngân hàng V đã giải ngân đủ số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của khách hàng, số tài khoản 105936435 mang tên anh Nguyễn Văn Đ. Theo quy định của Ngân hàng V đối với khoản vay tín chấp (không có tài sản thế chấp), người vay phải mua bảo hiểm dư nợ tín dụng, anh Đ đã chấp nhận và ký vào biên bản xác nhận nhu cầu vay vốn và yêu cầu bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng tại Tổng công ty bảo hiểm T (viết tắt G) với số tiền bảo hiểm là 4.642.552 đồng, vì vậy số tiền anh Đ thực nhận 95.350.000 đồng theo giấy lĩnh tiền ngày 09/9/2016, còn 7.448 đồng là tiền thu phí làm thẻ và duy trì tài khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Văn Đ chỉ trả được một phần nợ gốc và lãi, cụ thể trả nợ gốc 9.068.393 đồng và 28.134.305 đồng tiền lãi, kể từ ngày 08/9/2017, anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V, nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tại bản tự khai, Ngân hàng V yêu cầu anh Đ trả số tiền nợ gốc 90.931.607 đồng, tiền lãi 66.462.823 đồng và phạt chậm trả 25.469.753 đồng. Tổng cộng 182.864.183 đồng và phải tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định của pháp luật đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi, luận cứ về tính lãi suất xác định cụ thể tính đến ngày 12/8/2019, anh Đ còn nợ Ngân hàng V số tiền cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc 90.931.607 đồng, lãi 80.942.908 đồng; Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khoản

tiền phạt chậm trả lãi. Ngân hàng V đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Đ phải trả Ngân hàng V tổng số tiền tính đến ngày 12/8/2019 là 171.874.515 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm giấy phát hành thẻ kể từ ngày 13/8/2019 đến khi anh Đ thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng V.

- *Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ* đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên toà và Thông báo mở lại phiên toà. Tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần đến nhà để làm việc nhưng anh Đ không có mặt ở nhà nên không thể lấy được lời khai của anh Đ.

Đại diện UBND xã, Ban công an xã K xác định: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979, con ông Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị M, có vợ là Phạm Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Do nợ lần nhiều nên anh Đ đã ly hôn chị H và vắng mặt tại địa phương khoảng gần một năm nay, địa phương xác định chưa chuyển khẩu, cắt khẩu cũng như làm thủ tục tạm vắng cho anh Đ đến nơi khác. Hiện nay anh Đ làm gì, ở đâu địa phương không nắm được. Việc Ngân hàng V khởi kiện đòi nợ anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an xác nhận: Anh Nguyễn Văn Đ không có thông tin xuất cảnh.

Đại diện gia đình anh Đ, ông Nguyễn Văn P (bố đẻ anh Đ) cung cấp: Sau khi anh Đ kết hôn với chị Phạm Thanh H, vợ chồng anh Đ vẫn ở chung với gia đình ông nhưng ăn riêng, kinh tế độc lập. Đến cuối năm 2018, anh Đ, chị H đã ly hôn, sau đó anh Đ bỏ đi đâu, làm gì ông không nắm được. Nay Ngân hàng V khởi kiện đòi nợ với anh Đ, tuy nhiên do anh Đ không về và không liên lạc gì về gia đình nên ông không thể giao các văn bản tố tụng của Tòa án để giao hoặc thông báo cho anh Đ được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thanh H (vợ anh Đ) cung cấp: Chị và anh Đ kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống do không hợp nhau nên chị và anh Đ đã ly hôn tháng 11/2018, sau đó anh Đ bỏ đi đâu, làm gì chị không nắm được. Việc anh Đ vay tiền của Ngân hàng V vào thời điểm nào, số tiền bao nhiêu và sử dụng vào việc gì chị không biết vì anh Đ không bàn bạc gì với chị, chị không ký vào hợp đồng vay, không sử dụng tiền vay, anh Đ cũng không sử dụng khoản tiền vay để chi tiêu, sinh hoạt hay mua sắm tài sản gì trong gia đình. Khi ly hôn, vợ chồng không có tài sản gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, anh Đ phải tự chịu trách nhiệm với khoản vay với Ngân hàng V không liên quan đến chị.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc anh Đ phải trả nợ gốc và lãi đến ngày xét xử và phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Đ vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại tất cả các phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 217, 227 BLTTDS; các Điều 280; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phía Toà án; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng V buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả khoản tiền phạt lãi suất chậm trả là 25.469.753 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc 90.931.607 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 80.942.908 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần V, căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng; anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vì vậy đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên toà, Thông báo mở lại phiên toà. Tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần đến nhà để làm việc nhưng anh Đ không có mặt ở nhà nên không thể lấy được lời khai của anh Đ. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi anh Nguyễn Văn Đ trả nợ Hợp đồng tín dụng số: MB01.QT.GDCN/06 ngày 18/8/2016 (giấy đăng ký mở và sử dụng

tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử kiêm hợp đồng vay vốn) nhận thấy:

[4] Việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc vay tiền thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng, các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của Ngân hàng thương mại quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và xác định là hợp đồng hợp pháp. Theo quy định của hợp đồng, anh Đ vay Ngân hàng V tổng số tiền 100.000.000 đồng, trong đó anh Đ phải mua bảo hiểm khoản vay 4.642.552 đồng (Ngân hàng đã trích từ tiền vay trả cho Tổng công ty bảo hiểm T (viết tắt G) theo yêu cầu của anh Đ, có xác nhận của Công ty G, anh Đ thực nhận 95.350.000 đồng theo giấy lĩnh tiền ngày 09/9/2016, còn 7.448 đồng là tiền thu phí làm thẻ và duy trì tài khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ đã trả được cho Ngân hàng V một phần nợ gốc 9.068.393 đồng và tiền lãi một số tháng. Tính đến ngày 08/9/2017, anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 4 bản điều khoản và điều kiện sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân mà hai bên đã ký. Thời điểm năm 2016, anh Đ và chị H vẫn là vợ chồng, đến năm 2018, chị H xin ly hôn anh Đ, do anh chị không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Toà án không giải quyết. Chị H xác định anh Đ vay Ngân hàng V bao nhiêu tiền, từ thời điểm nào, chị không được bàn bạc, không ký hợp đồng vay, anh Đ cũng không sử dụng tiền vay vào việc gia đình, do đó chị không liên quan gì đối với khoản vay này. Ngân hàng cũng xác định đây là khoản vay cá nhân của anh Đ, không liên quan đến vợ anh Đ và không yêu cầu chị H liên đới trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện anh Đ đối với hợp đồng tín dụng dưới hình thức đề nghị phát hành thẻ là có căn cứ.

[5] Về việc tính lãi: Hợp đồng tín dụng số: MB01.QT.GDCN/06 ngày 18/8/2016 thỏa thuận mức lãi suất là 30%/năm thấy rằng: Mức lãi suất là do Ngân hàng và anh Đ thỏa thuận, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật của các tổ chức tín dụng, Điều 11 và khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước. Do anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì Ngân hàng V được quyền chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010. Theo hợp đồng số MB01.QT.GDCN/06 thỏa thuận mức lãi suất là 30%/năm, quá hạn bằng 150% trong hạn theo quyết định số 74/2015/QĐ-TGĐ ngày 15/9/2015 của Tổng giám đốc, quá trình vay vốn, có sự điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, cụ thể theo các Quyết định số 134/2016/QĐ-TGĐ ngày 24/02/2016, số 746/2016/QĐ-TGĐ ngày 07/9/2016,

số 265/2018/QĐ-TGĐ ngày 05/4/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng V là phù hợp Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước nên được chấp nhận. Việc nguyên đơn rút yêu cầu khoản tiền phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng số MB01.QT.GDCN/06 là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, được chấp nhận nên HĐXX đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng, phần tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu bị đình chỉ sẽ được giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Từ những chứng cứ, lập luận nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 12/8/2019, cụ thể như sau: Nợ gốc 90.931.607 đồng, tiền lãi 80.942.908 đồng, tổng cộng 171.874.515 đồng và tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 290; 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng V về việc buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi 25.469.753 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Nguyễn Văn Đ.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả nợ cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 12/8/2019 theo hợp đồng số MB01.QT.GDCN/06 (giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử kiêm hợp đồng vay vốn) các khoản như sau: Nợ gốc 90.931.607 đồng, lãi 80.942.908 đồng, tổng cộng 171.874.515 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm bảy tư nghìn năm trăm mười lăm đồng).

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 8.593.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng V 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005071 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân